



Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn

Chương: 417

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số: 3919/TB-SKHCN ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ)

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Sở Khoa học và Công nghệ công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm/ Dự toán năm (%)
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
1	Số thu phí, lệ phí	98.000.000	107.609.900	109,8
1.1	Lệ phí	3.000.000	2.860.000	95,3
1.2	Phí	95.000.000	104.749.900	110,3
II	Tổng số thu, chi nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ	825.000.000	626.705.600	76,0
1	Số thu sự nghiệp, dịch vụ	825.000.000	626.705.600	76,0
III	Dự toán chi ngân sách nhà nước	66.757.221.324	22.021.069.896	33,0
1	Chi quản lý hành chính	12.097.000.000	5.119.198.500	42,3
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	10.869.000.000	4.981.079.500	45,8
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.228.000.000	138.119.000	11,2
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	39.690.797.000	13.919.877.900	35,1
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh	14.630.797.000	12.413.703.000	84,8
-	Nghiên cứu ứng dụng	12.000.000.000	10.789.703.000	89,9
-	Phát triển công nghệ, phát triển giải pháp xã hội	2.630.797.000	1.624.000.000	61,7

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm/ Dự toán năm (%)
2.2	<i>Chi hoạt động Khoa học - Công nghệ phục vụ Quản lý Nhà nước</i>	<i>1.355.000.000</i>	<i>23.432.000</i>	<i>1,7</i>
2.3	<i>Kinh phí lĩnh vực sự nghiệp khoa học công nghệ khác</i>	<i>6.000.000.000</i>	<i>442.699.500</i>	<i>7,4</i>
2.4	<i>Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo</i>	<i>2.185.000.000</i>	<i>246.494.200</i>	<i>11,3</i>
2.5	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>	<i>15.520.000.000</i>	<i>793.549.200</i>	<i>5,1</i>
3	Sự nghiệp khác	4.720.930.000	2.190.060.270	46,4
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	4.295.000.000	2.114.736.970	49,2
-	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	425.930.000	75.323.300	17,7
4	Sự nghiệp khoa học công nghệ khác	3.299.000.000	791.933.226	24,0
5	Chi đầu tư phát triển	1.827.736.731	0	0,0
6	Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025	5.121.757.593	0	0,0